

Số: 50/2025/QĐST-DS

Đồng Tháp, ngày 19 tháng 9 năm 2025

**QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ**

Căn cứ vào Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật Tố tụng dân sự và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ vào Biên bản hoà giải thành ngày 11 tháng 9 năm 2025 về việc các đương sự thoả thuận được với nhau về việc giải quyết toàn bộ vụ án Dân sự thụ lý số: 59/2022/TLST-DS ngày 23 tháng 3 năm 2022 về việc “*Tranh chấp ranh giới quyền sử dụng đất; Quyền sử dụng đất*”.

XÉT THẤY:

Các thoả thuận của các đương sự được ghi trong biên bản hoà giải thành về việc giải quyết toàn bộ vụ án là tự nguyện; nội dung thoả thuận giữa các đương sự không vi phạm điều cấm của luật và không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thoả thuận của các đương sự:

- *Nguyên đơn*: Nguyễn Văn H, năm sinh 1973; Chứng minh nhân dân số: 087073010986; Điện thoại: 0788.760.336 (*có mặt*).

Địa chỉ: tổ H, ấp T, xã T, tỉnh Đồng Tháp; (Địa chỉ trước khi sắp xếp: tổ H, ấp T, xã T, huyện C, tỉnh Đồng Tháp);

Người đại diện theo uỷ quyền: Đỗ Nhứt Q, sinh năm 1964; Căn cước công dân số: 087064012141 (*có mặt*)

Địa chỉ: ấp P, xã P, tỉnh Đồng Tháp; (Địa chỉ trước khi sắp xếp: khóm P, thị trấn C, huyện C, tỉnh Đồng Tháp).

- *Bị đơn*: Lê Quang T, sinh năm 1957; Căn cước công dân số: 087057007301; Điện thoại: 0815822562 (*có mặt*).

Địa chỉ: tổ H, ấp T, xã T, tỉnh Đồng Tháp; (Địa chỉ trước khi sắp xếp: tổ H, ấp T, xã T, huyện C, tỉnh Đồng Tháp)

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: 1. Nguyễn Thị H1, năm sinh 1935.

Người đại diện theo uỷ quyền: Đỗ Nhứt Q, sinh năm 1964; Căn cước công dân

số: 087064012141 (có mặt).

Địa chỉ: ấp P, xã P, tỉnh Đồng Tháp; (Địa chỉ trước khi sắp xếp: khóm P, thị trấn C, huyện C, tỉnh Đồng Tháp).

2. Nguyễn Văn N, năm sinh 1957; Căn cước công dân số: 087057000355 (có mặt)

3. Nguyễn Văn C, năm sinh 1967; Căn cước công dân số: 087067001860 (có mặt)

4. Hà Thị H2, sinh năm 1972; Căn cước công dân số: 034172013962 (vợ ông C) (có mặt).

Cùng địa chỉ: tổ H, ấp T, xã T, tỉnh Đồng Tháp; (Địa chỉ trước khi sắp xếp: tổ H, ấp T, xã T, huyện C, tỉnh Đồng Tháp).

2. Sự thoả thuận của các đương sự cụ thể như sau:

2.1. Ông Nguyễn Văn H, bà Nguyễn Thị H1, ông Nguyễn Văn N, ông Nguyễn Văn C, bà Hà Thị H2 và ông Lê Quang T thống nhất xác định ranh giới quyền sử dụng đất giữa thửa đất số 135, tờ bản đồ số 60 do hộ ông Nguyễn Văn H đứng tên Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất và thửa đất số 923, tờ bản đồ số 7 (bản đồ 299) (đối chiếu sang bản đồ địa chính chính quy là thửa đất số 802, tờ bản đồ số 41) do ông Lê Quang T đứng tên Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất là đường thẳng nối các mốc M5, F, E, 6B, D, C trên sơ đồ đo đạc bổ sung ngày 29/8/2025 của Chi nhánh văn phòng đăng ký đất đai khu vực XIV.

Ranh giới quyền sử dụng đất giữa thửa đất số 135, tờ bản đồ số 60 và thửa đất số 923, tờ bản đồ số 7 (bản đồ 299) (đối chiếu sang bản đồ địa chính chính quy là thửa đất số 802, tờ bản đồ số 41) được sử dụng theo chiều thẳng đứng tính từ lòng đất đến không gian. Tài sản của các bên lấn chiếm ranh đất phải di dời theo quy định của pháp luật.

2.2. Ông Nguyễn Văn C, bà Hà Thị H2 đồng ý trả cho ông Lê Quang T số tiền 12.150.000 đồng (Mười hai triệu một trăm năm mươi nghìn đồng).

Kể từ ngày Quyết định có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.

2.3. Ông Nguyễn Văn C, bà Hà Thị H2, ông Nguyễn Văn N đồng ý di dời các tài sản của ông Nguyễn Văn C, bà Hà Thị H2, ông Nguyễn Văn N lấn chiếm ranh đất là đường thẳng nối các mốc M5, F, E, 6B, D, C trên sơ đồ đo đạc bổ sung ngày 29/8/2025 của Chi nhánh văn phòng đăng ký đất đai khu vực XIV.

2.4. Về chi phí tố tụng: Tổng chi phí xét thẩm định tại chỗ và chi phí định giá tài sản là 9.191.000 đồng (chi phí đo đạc là 7.991.000 đồng; chi phí định giá là 1.200.000 đồng).

Ông Nguyễn Văn H tự nguyện chịu toàn bộ chi phí xem xét thẩm định tại chỗ và chi phí định giá tài sản là 9.191.000 đồng. Số tiền ông Nguyễn Văn H đã nộp 9.191.000 đồng được trừ vào chi phí tố tụng ông Nguyễn Văn H phải chịu (ông Nguyễn Văn H đã nộp và chi xong).

2.5. Về án phí: Ông Nguyễn Văn H đồng ý chịu 300.000 đồng tiền án phí dân sự sơ thẩm, số tiền tạm ứng án phí ông Nguyễn Văn H đã nộp 1.900.000 đồng được trừ vào án phí dân sự sơ thẩm ông Nguyễn Văn H phải chịu. Ông Nguyễn Văn H được nhận lại 1.600.000 đồng theo biên lai thu số 0009066 ngày 23/3/2022 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Châu Thành.

(Kèm theo Quyết định là sơ đồ đo đạc ngày 29/8/2025 của Chi nhánh văn phòng Đ; Biên bản xem xét thẩm định tại chỗ và Biên bản định giá tài sản ngày 13/4/2022, 31/5/2022, 27/7/2023; Biên bản định giá tài sản 25/7/2023).

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

4. Quyết định này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Tháp;
- Đương sự;
- Viện kiểm sát nhân dân khu vực 8 – Đồng Tháp;
- Thi hành án dân sự tỉnh Đồng Tháp;
- Lưu hồ sơ vụ án (Nhân).

THẨM PHÁN

Nguyễn Văn Nhân